

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 2 – SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2026/HS-ST  
Ngày 28-8-2026

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - SƠN LA**

**Tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La:**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Trung Trọng, ông Đặng Xuân Tư.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lò Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La tham gia phiên tòa:**  
Bà Bạc Thị Thoàn - Kiểm sát viên.

**Tại điểm cầu thành phần Phân trại tạm giam Thuận Châu, Trại Tạm giam Công an tỉnh Sơn La:**

*Cán bộ, chiến sỹ thuộc cơ sở giam giữ:* Ông Sông A Vàng, ông Lương Đức Phương.

Ngày 28/8/2026, tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Sơn La và điểm cầu thành phần: Phân trại tạm giam Thuận Châu, Trại Tạm giam Công an tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 133/2026/TLST-HS ngày 30/7/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2026/QĐXXST-HS ngày 14/8/2026 đối với bị cáo:

**Lò Văn N**, sinh ngày 04/5/2001 tại xã T, tỉnh Sơn La; số định danh cá nhân: 014201xxxxxx; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Bản M, xã T, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn H và bà Lương Thị N1; chưa có vợ con; tiền án: Không có; tiền sự: Ngày 03/01/2024 bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 Sơn La) quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 31/QĐ-TA thời hạn 18 tháng, chấp hành xong ngày 02/7/2025; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/4/2026 cho đến nay; có mặt tại điểm cầu thành phần.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Lò Văn D, sinh năm 2004, địa chỉ: Bản M, xã T, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 17/4/2026, Lò Văn N đi bộ một mình từ nhà đến khu vực Bản B, xã M1 để tìm mua ma túy về sử dụng. Khi đi đến nương cà phê thuộc khu vực giáp ranh giữa Bản M và Bản B, N gặp và hỏi mua được của một người N giới không rõ danh tính 01 gói ma túy được gói bằng mảnh nilon màu xanh, bên trong có chứa Heroine và 03 viên ma túy tổng hợp với giá 600.000 đồng. Sau khi giao dịch xong, N cất gói ma túy vào túi quần bên trái rồi đi bộ về nhà ngủ.

Đến khoảng 14 giờ 00 phút ngày 18/4/2026, khi Lò Văn N đang ở nhà thì nhận được tin nhắn từ Lò Văn D qua ứng dụng Messenger xin ma túy để cùng sử dụng. N đồng ý và hẹn D đến lán ao để hoang của ông Lò Văn T tại Bản M, xã T để cùng sử dụng ma túy. Tại đây, N đã trực tiếp lấy gói nilon màu xanh ra, san chiết một ít Heroine và 01 viên ma túy tổng hợp đặt lên tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, dùng răng cắn nghiền nhỏ hỗn hợp ma túy này. Tiếp đó, N lấy tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng cuộn tròn để xúc ma túy đã nghiền từ tờ tiền 10.000 đồng lên mặt trên của mảnh giấy bạc. N trực tiếp dùng bật lửa ga đốt phía dưới mảnh giấy bạc cho N và D lần lượt sử dụng hết số ma túy đó bằng hình thức hít trực tiếp qua đường miệng. Sau khi sử dụng xong, N gói số ma túy còn lại cất vào túi quần phía trước bên trái đang mặc thì bị Tổ công tác Công an xã T phát hiện, bắt quả tang. Vật chứng thu giữ của Lò Văn N và Lò Văn D gồm: 01 gói nilon màu xanh bên trong có chứa chất bột cục màu trắng và 02 viên nén màu hồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi màu đen đã qua sử dụng của Lò Văn N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 màu hồng đã qua sử dụng của Lò Văn D; 01 bật lửa ga màu vàng; 01 mảnh giấy bạc trên bề mặt có các vết cháy màu đen; tiền mặt 30.000 đồng (*gồm một tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng và một tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng*).

Kết quả cân tịnh vật chứng xác định chất bột màu trắng có khối lượng 0,20g, lấy toàn bộ làm mẫu giám định ký hiệu N1; 02 viên nén màu hồng khối lượng 0,22g, lấy toàn bộ làm mẫu giám định ký hiệu N2. Kết luận giám định số 722/KL-KTHS ngày 24/4/2026 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Mẫu N1 là ma túy, loại Heroine, khối lượng 0,20g; mẫu N2 là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,22g. Kết luận giám định số 738/KL-KTHS ngày 27/4/2026 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: 30.000 đồng gửi giám định là tiền thật.

Quá trình điều tra xác định Lò Văn N đang trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy theo Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 14/7/2024 của Ủy ban nhân dân xã T. Tuy nhiên, cơ quan điều tra đã khởi tố bị cáo về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên không truy cứu trách nhiệm hình sự bị cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với hành vi của Lò Văn D, trong quá trình điều tra D thừa nhận hành vi xin sử dụng ma túy cùng N qua điện thoại. D không có hành vi chuẩn bị công cụ hay giúp sức nào khác và không thuộc chủ thể quy định tại Điều 256a Bộ luật Hình sự nên không đủ căn cứ xử lý hình sự. Công an xã T đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền. Đối với ông Lò Văn T (chủ lán ao để hoang), kết quả điều tra xác định ông T không biết việc N và D tự ý vào lán sử dụng ma túy

nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Đối với người đàn ông bán ma túy cho bị cáo Lò Văn N tại khu vực giáp ranh, do bị cáo không biết rõ nhân thân, lai lịch nên cơ quan điều tra không có căn cứ mở rộng điều tra, xử lý.

Cáo trạng số 63/CT-VKS-KV2 ngày 28/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La đã truy tố bị cáo Lò Văn N về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo điểm i khoản 1 Điều 249 và khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi như nội dung cáo trạng. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn N 03 năm đến 03 năm 04 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, 03 năm đến 03 năm 04 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt, bị cáo Lò Văn N phải chịu hình phạt chung cho cả hai tội là 06 năm đến 06 năm 08 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy gói nilon màu xanh, bột lửa ga màu vàng, mảnh giấy bạc; tịch thu sung quỹ nhà nước 30.000 đồng và 02 chiếc điện thoại.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí với luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lò Văn D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của anh D không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về chứng cứ xác định tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình và giữ nguyên lời khai như đã khai tại cơ quan điều tra, không thay đổi, bổ sung thêm vấn đề gì làm thay đổi nội dung vụ án và nhất trí với cáo trạng của Viện kiểm sát. Bị cáo khẳng định lời khai của mình là tự nguyện và đúng với hành vi đã thực hiện. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của Lò Văn D, lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: Ngày 18/4/2026, Lò Văn N đã có hành vi chuẩn bị công cụ, cung cấp Heroine và Methamphetamine cho Lò Văn D cùng với N sử dụng trái phép chất ma túy. Đồng thời, Lò Văn N có hành vi cất giấu trái phép 0,42g chất ma túy (gồm 0,20g Heroine và 0,22g Methamphetamine) để sử dụng. Hành vi của Lò Văn N đã phạm vào tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 255 và điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lò Văn N là chủ thể quy định tại Điều 256a Bộ luật Hình sự, tuy nhiên hành vi sử dụng ma túy của bị cáo đã bị truy tố về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên Viện kiểm sát không truy tố bị cáo về tội Sử dụng trái phép chất ma túy là phù hợp với nguyên tắc một hành vi phạm tội chỉ bị xử lý một lần. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La truy tố bị cáo và Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu nhưng là người nghiện ma túy, đã được cai nghiện ma túy bắt buộc và đang trong thời gian quản lý sau cai nghiện nhưng vẫn tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về nội dung sự việc và ăn năn, hối cải về hành vi của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy còn trực tiếp làm tổn hại thể chất, tinh thần của người tham gia sử dụng. Vì vậy, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để trừng phạt, giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung và thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tệ nạn ma túy tại địa phương. Bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị, gia đình bị cáo là hộ cận nghèo, không có điều kiện và khả năng thi hành hình phạt bổ sung nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, gói nilon màu xanh, chiếc bật lửa ga màu vàng và mảnh giấy bạc là công cụ phạm tội và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy; tờ tiền 20.000 đồng và 10.000 đồng là công cụ bị cáo nghiên, xúc ma túy để sử dụng và 02 chiếc điện thoại là công cụ bị cáo và Lò Văn D trao đổi về việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên cần tịch thu

sung quỹ nhà nước.

[7] Về các vấn đề khác liên quan đến vụ án: Đối với đối tượng đã bán ma túy cho bị cáo, cơ quan điều tra đã thực hiện các biện pháp điều tra cần thiết nhưng không có cơ sở để điều tra, xử lý. Đối với hành vi của Lò Văn D, D không có hành vi giúp sức cho N và không thuộc chủ thể quy định tại Điều 256a Bộ luật Hình sự nên cơ quan điều tra chỉ xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật. Ông Lò Văn T không biết việc bị cáo và Lò Văn D tự ý vào lán của ông sử dụng ma túy nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo, là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Tại phiên tòa, bị cáo xin được miễn án phí. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần miễn án phí cho bị cáo.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Về đề nghị của Kiểm sát viên: Đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt, xử lý vật chứng và án phí là phù hợp nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Về điều luật áp dụng, tội danh và hình phạt: Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lò Văn N phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Lò Văn N 03 (ba) năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt là 06 (sáu) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/4/2026.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

**2.** Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 01 gói nilon màu xanh, 01 bát lửa ga màu vàng, 01 mảnh giấy bạc; tịch thu sung quỹ nhà nước: 30.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu hồng (*Mô tả chi tiết theo Lệnh nhập kho vật chứng số D246/LN-CSMT ngày 18/4/2026 và Lệnh nhập kho vật chứng số D449/LN-CSMT ngày 29/6/2026 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La*).

**3.** Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

**4. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/8/2026). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2 - Sơn La;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Sơn La;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam CA tỉnh Sơn La;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 - Sơn La;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Nam**